

HIỆN TƯỢNG “NHẠI” TRONG TỤC NGỮ CỦA NGƯỜI VIỆT

Hoàng Thị Hồng Thắm, Lê Thị Thủy
Khoa Ngữ văn và KHXH
Email: thamhth@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 21/3/2023

Ngày PB đánh giá: 15/5/2023

Ngày duyệt đăng: 19/5/2023

TÓM TẮT: Tục ngữ khái quát kinh nghiệm sống bằng những câu nói ngắn gọn, có vần, có nhịp, có hình ảnh. Có thể coi đây là thể loại có chức năng sinh hoạt thực hành triệt để nhất của văn học dân gian, bởi hầu như trong tình huống, hoàn cảnh nào, người ta cũng có thể vận dụng được tục ngữ. Trong quá trình tồn tại và phát triển, thể loại này không nhất thành bất biến mà có sự vận động, thay đổi theo thời gian. Đó là sự bổ sung, lí giải vấn đề theo những cách nhìn khác nhau. Một trong những biểu hiện của tính chất khả biến của tục ngữ là hiện tượng mượn câu gốc để hình thành nên một câu mới (chúng tôi tạm đặt là hiện tượng “nhại” tục ngữ). Tục ngữ nhại - qua khảo sát - thường sử dụng các phương thức như đồng âm, móc xích, trường liên tưởng, hô ứng và chệch âm. Về nội dung phản ánh, nhóm tục ngữ này hướng vào cách đối nhân xử thế, xử lí những hiện tượng, vấn đề nảy sinh trong cuộc sống và cách đánh giá con người qua nhân tướng học. Trong bài viết này, thông qua phần khảo sát, chúng tôi sẽ tập trung lí giải những nội dung phản ánh đã nêu ở trên của nhóm tục ngữ nhại.

Từ khóa: Nhại tục ngữ, Phương thức nhại, Tục ngữ gốc.

THE PHENOMENON OF PARODY IN VIETNAMESE PROVERBS

ABSTRACT: Proverbs summarize life experiences by means of rhyming, rhythmic and graphic sayings. It can be considered that this is the genre with the most thorough practical function of folklore because in most situations, people can also apply proverbs. In the process of existence and development, this genre does not remain unchanged, but has movement and changes over time. It is the complement and interpretation of problems from different perspectives. One of the manifestations of the variable nature of proverbs is the phenomenon of borrowing the original sentence to form a new one (we temporarily consider it the phenomenon of “parody” in Vietnamese proverbs). Parody proverbs - through investigation - often use methods such as homonyms, chain links, associative

fields, correlative conjunctions, and deviations. Regarding the content reflected, this group of proverbs focuses on how people behave, handle phenomena and problems that arise in life, and how to evaluate people by anthropology. In this article, through the survey, we will focus on explaining the above reflected content of the group of parody proverbs.

Keywords: Parody proverb, Methods of parody, Original proverbs

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tục ngữ là một thể loại quen thuộc và gần gũi với người Việt. Nó được sử dụng thường xuyên và linh hoạt trong cuộc sống hàng ngày. Có thể nói đây là thể loại có chức năng sinh hoạt thực hành triệt để nhất bởi hầu như trong tình huống, hoàn cảnh nào, người ta cũng có thể vận dụng được tục ngữ. Tục ngữ giúp lời ăn tiếng nói trở nên sinh động, thú vị và bóng bẩy, giàu hình ảnh. Tuy nhiên, là một thể loại của văn học dân gian nên tục ngữ cũng biến đổi theo thời gian: xuất hiện nghĩa phái sinh, bản khác, thậm chí là hiện tượng mượn câu gốc để hình thành nên một câu mới mà chúng tôi tạm đặt là hiện tượng “nhại” tục ngữ. Trong bài viết này, chúng tôi bước đầu đề cập đến hiện tượng này thông qua một số câu tục ngữ nhại khá phổ biến trong đời sống và qua tài liệu sưu tầm.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Những năm gần đây, trong giới trẻ xuất hiện trào lưu biến tấu những câu tục ngữ quen thuộc của kho tàng tục ngữ Việt thành những câu tục ngữ “nhại” có phần hài hước, dí dỏm. Đứng trước hiện tượng này, có hai quan điểm trái chiều: Nhóm thứ nhất là những người phản bác: “Đừng vì thích cái mới, chuộng những cái gây cười mà một bộ phận giới trẻ lại cổ xúy

cho việc cải biên, biến tấu ca dao tục ngữ. Đây là hình thức thái quá, không hợp lý. Đừng làm mất đi sự trong sáng, cái đẹp vốn có của tiếng Việt” [7]. Nhóm thứ hai lại nhận định: “Đây là một hiện tượng bình thường trong cuộc sống, là sự phát triển nối tiếp của tính cải biên hay dị bản, chỉ là dưới một hình thức khác. Đồng thời nó cho thấy văn học dân gian ngày nay vẫn được biết đến, chỉ là dưới một hình thức hiện đại hơn. Đây là một biểu hiện rằng giới trẻ ngày nay vẫn biết đến văn học dân gian, có óc hài hước, sáng tạo và đây là cũng một hiện tượng thú vị, có tính chất gây cười, giải trí cho người đọc” [7]. Tuy vậy, những ý kiến trên mới chỉ nêu hiện tượng mà chưa hướng vào việc phân tích, tìm hiểu vấn đề. Vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi sẽ tập trung khảo sát và phân tích nội dung của nhóm tục ngữ “nhại” để có một cái nhìn khái quát về hiện tượng “nhại” trong tục ngữ người Việt.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Khảo sát hiện tượng nhại trong tục ngữ người Việt

Qua quá trình khảo sát (trong thực tế và tài liệu tham khảo (*Ca dao tục ngữ thời hiện đại* [2])), bước đầu chúng tôi đã thu nhận được 34 câu tục ngữ nhại và tiến hành phân loại các phương thức nhại như sau:

STT	Phương thức nhại	Câu tục ngữ gốc	Câu tục ngữ nhại	Tỉ lệ
1	Đồng âm	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chín bỏ làm mười 2. Học đi đôi với hành 3. Hồng nhan bạc phận 4. Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng 5. Có chí thì nên 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chín bỏ vào mồm 2. Học đi đôi với hành, hành đi đôi với tôi 3. Hồng nhan bạc triệu 4. Gần mực thì bia, gần đèn thì nghiện 5. Có chí thì nên cạo đầu 6. Có chí thì ghé 	6/ 34 (17.6%)
2	Chệch âm	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có công mài sắt, có ngày nên kim 2. Tiên học lễ, hậu học văn 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có công mài sắc, có ngày nên tiên 2. Tiên học lễ, hậu học ăn 	2/ 34 (5.9%)
3	Trường liên tưởng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Được voi đòi tiên 2. Một điều nhịn là chín điều lành 3. Có công mài sắt, có ngày nên kim 4. Kiến tha lâu cũng có ngày đầy tổ 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Được voi đòi Hai Bà Trưng 2. Một điều nhịn là chín điều nhục 3. Có công mài sắt, có ngày chai tay 4. Kiến tha lâu cũng có ngày mới căng 	4/ 34 (11.8%)
4	Hô ứng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đàn ông rộng miệng thì sang Đàn bà rộng miệng tan hoang cửa nhà 2. Trèo cao ngã đau 3. Đồng vợ đồng chồng tát biển Đông cũng cạn 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đàn ông rộng miệng thì sang Đàn bà rộng miệng vẫn sang như thường 2. Trèo cao ngã đau, trèo thấp ngã cũng đau 3. Đồng vợ đồng chồng húp nồi canh cũng cạn 	3/ 34 (8.8%)
5	Móc xích	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lá lành đùm lá rách 2. Vạn sự khởi đầu nan 3. Học một biết mười 4. Lành làm gạo, vỡ làm muôi 5. Đát lành chim đậu 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lá lành đùm lá rách, lá rách ít đùm lá rách nhiều 2. Vạn sự khởi đầu nan, gian nan bắt đầu nản 3. Học một biết mười, học mười quên hết 4. Lành làm gạo, vỡ làm muôi, vỡ nữa làm cùi đĩa 5. Đát lành chim đậu, đát nhậu chim thành môi 	5/ 34 (14.7%)

Bảng khảo sát trên chỉ có 20/ 34 câu tục ngữ nhại được sưu tầm, 14 câu còn lại do không rõ các phương thức nhại (ví dụ: *Cần cù bù năng lực, Học tài thi lý lịch, Gậy ông đập lưng bà...*) nên chúng tôi không liệt kê trong bảng khảo sát. Tuy nhiên, trong bài viết, khi cần thiết, chúng tôi vẫn sử dụng những câu tục ngữ này.

Trong nhóm tục ngữ nhại đã sưu tầm, hiện tượng nhại tập trung nhiều nhất ở hai phương thức: đồng âm (17.6%), móc xích (14.7%), tiếp theo đó là trường liên tưởng (11.8%), hô ứng (8.8%) và chệch âm (5.9%). Sự phân hoá này cho thấy tác giả “nhại” có xu hướng dùng lối nói đồng âm (cùng âm khác nghĩa) và móc xích để tạo ra những câu tục ngữ mới nhằm mục đích khôi hài hoặc trào phúng.

Tác giả và đối tượng sử dụng nhóm tục ngữ này chủ yếu là giới trẻ, họ đã tạo nên một trào lưu trên các trang mạng xã hội và được cộng đồng mạng đón nhận, chia sẻ, sử dụng lại, thậm chí cùng nhau sáng tạo thêm những câu tục ngữ nhại khác.

3.2. Phân tích, lí giải hiện tượng nhại trong tục ngữ người Việt

3.2.1. Khái niệm

Trong đời sống hàng ngày, “nhại” được hiểu là “bắt chước tiếng nói, điệu bộ của người khác để trêu chọc, giễu cợt” [6, tr. 907]; còn trong văn học, nhại là “một thể văn châm biếm dùng sự bắt chước để chế giễu một tác phẩm hoặc cả một trào lưu nghệ thuật” [4, tr. 193].

Như vậy, có thể hiểu: “nhại” là hành động bắt chước có sử dụng yếu tố hài hước để giải trí hoặc giễu cợt, châm biếm. Nói cách khác, nói nhại là phỏng theo văn bản có trước, tạo ra câu văn hoặc văn bản mới, về hình thức, nó giống hoặc gần giống với văn bản gốc nhưng hướng tới mục đích giao tiếp khác với bản gốc. Từ khái niệm “nhại”, chúng tôi xin đề cập đến nội hàm của hiện tượng “nhại tục ngữ” như sau: Nhại tục ngữ là cách thức sử dụng các thủ pháp tu từ để sáng tạo nên những câu tục ngữ mới dựa trên những câu gốc nhằm khái quát kinh nghiệm sống, đánh giá lại vấn đề mà câu tục ngữ gốc đặt ra hoặc đơn giản chỉ nhằm mục đích giải trí.

3.2.2. Nội dung của nhóm tục ngữ nhại

a. Quan niệm về cách đối nhân xử thế

Một nội dung của tục ngữ là phản ánh, đúc rút những kinh nghiệm ứng xử giữa người với người trong xã hội. Tư tưởng trọng đạo lí đã trở thành một phương châm sống của người xưa: “Tôn sư trọng đạo”. Trong tục ngữ, tác giả khuyên con người phải biết học lễ nghĩa, cách ứng xử trước khi tiếp nhận kiến thức: “Tiên học lễ, hậu học văn”. Tuy nhiên, trong thời hiện đại, một bộ phận đã quên mất lễ nghĩa, trở nên thực dụng khi chỉ biết trước “lễ” - sau “ăn”, một thực tế mang nặng tính bản năng mà câu tục ngữ nhại đã hóm hỉnh đề cập. Vẫn là miếng ăn, nếu như trong câu gốc, nhân dân ta hướng đến lối ứng xử có văn hoá: “Ăn trông nồi, ngồi trông hướng” thì đến câu tục ngữ nhại đã chuyển thành:

“Ăn trông nồi, ngồi trông đĩa bên cạnh”. Cuộc sống hiện đại với những bon chen, toan tính vị kỉ khiến con người thu hẹp dần mối quan hệ xã hội, chuyển sang lối sống cá nhân: “Đèn nhà ai người ấy rạng” và đề phòng, cảnh giác, dè chừng nhau! Bên cạnh đó, lối sống cá nhân cũng hình thành thói ích kỉ hẹp hòi: “Học ăn, học nói, học gói mang về”, “Một con ngựa đau, cả tàu bỏ chạy”, “Được ăn cả, ngã mang về”... Tục ngữ từng khuyên ta nên biết “dĩ hoà vi quý”: “Một điều nhin là chín điều lành” song thực tế cho thấy không phải lúc nào “nhin” cũng “lành”, bởi lẽ, mặt trái của “nhin” là “nhục”: “Một điều nhin là chín điều nhục”. Nếu ta im lặng, chấp nhận cái xấu, cái tiêu cực thì đó thực sự là điều đáng hổ thẹn và bị phê phán. Câu tục ngữ nhại này thực sự có ý nghĩa khi nó bổ sung, hoàn thiện cho câu gốc, để thấy rằng thực tế cuộc sống luôn phức tạp, muôn màu muôn vẻ, vì vậy, con người cũng cần biết xử thế linh hoạt, mềm dẻo.

Ứng xử linh hoạt, mềm dẻo là một đặc điểm của người Việt. Đặc điểm này đã trở thành một phương châm xử thế trong tục ngữ với những từ ngữ đặc trưng như “tuỳ”, “lựa”, “liệu”: “Tuỳ cơ ứng biến”, “Lựa lời mà nói”, “Liệu cơm gắp mắm”... hoặc khuyết từ đặc trưng như “Gió chiều nào xoay chiều ấy”, “Ổ bầu thì tròn, ở ống thì dài”... Câu tục ngữ “Lành làm gạo, vỡ làm muối” thuộc loại thứ hai. Ngoài nghĩa đen (ít dùng) là tận dụng những thứ tưởng như bỏ đi để dùng khi cần thì nghĩa bóng (thường dùng) lại hàm ý không sợ đụng chạm, hồng việ,

sẵn sàng chấp nhận mọi tình huống, kể cả sự đổ vỡ. Tục ngữ nhại một lần nữa khẳng định và nhấn mạnh ý nghĩa của câu gốc: “Lành làm gạo, vỡ làm muối, vỡ nữa làm cùi dĩa”.

Bên cạnh những câu tục ngữ nhại báo động lối sống thực dụng, ích kỉ, hẹp hòi, ta cũng thấy xuất hiện những câu nói lấp lánh vẻ đẹp của tình người, đó là sự đùm bọc, sẻ chia vốn đã trở thành đạo lí tốt đẹp của nhân dân ta: “Lá lành đùm lá rách, lá rách ít đùm lá rách nhiều”. Tinh thần đậm chất nhân văn ấy đã khích lệ, động viên con người thoát khỏi vỏ bọc cá nhân nhỏ hẹp để hoà nhập vào cộng đồng rộng lớn, tạo nên khối đoàn kết mạnh mẽ, bền vững.

b. Ứng xử của con người trước những hiện tượng, vấn đề nảy sinh trong cuộc sống

Với tính chất truyền dạy kinh nghiệm sống, tục ngữ gửi gắm nhiều bài học có giá trị cho các thế hệ sau. Những câu tục ngữ khuyên nhủ, động viên con người nên có nghị lực, niềm tin, sự bền chí như “Có chí thì nên”, “Có công mài sắt, có ngày nên kim”, “Kiến tha lâu cũng đầy tổ”... qua cách nói nhại lại có phần hài hước, đối lập và cũng không thể phủ nhận rằng nó có nhân tố hợp lí: “Có chí thì ghê”, “Có công mài sắt, có ngày chai tay”, “Kiến tha lâu cũng có ngày mồi căng”, “Vạn sự khởi đầu nan, gian nan bắt đầu nản”... Lối chơi chữ (*chí*: ý chí - cháy), móc xích (“Vạn sự khởi đầu nan, gian nan bắt đầu nản”), dùng trường liên tưởng (“Kiến tha lâu” - “mồi căng”) đã tạo nên sự hóm hỉnh, hài hước và ý vị cho nhóm tục ngữ này.

Là túi khôn dân gian, tục ngữ còn ghi nhận những hiện tượng đã trở thành quy luật hoặc hướng đến những giá trị tích cực trong xã hội: “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, “Học đi đôi với hành”, “Trèo cao ngã đau”, “Học một biết mười”... Khi được nhìn nhận, đánh giá lại ở một cách nhìn khác, thời đại khác, nó trở nên khá bất ngờ, thú vị: “Gần mực thì bia, gần đèn thì nghiện”, “Học đi đôi với hành, hành đi đôi với tài”, “Trèo cao ngã đau, trèo thấp ngã cũng đau”, “Học một biết mười, học mười quên hết”... Một lần nữa, ta lại thấy những kinh nghiệm mà tục ngữ đúc kết không nhất thành bất biến mà có sự vận động, thay đổi theo thời gian. Đó là sự bổ sung, lí giải vấn đề theo những cách nhìn khác nhau, ở những thời điểm khác nhau. Điều này vừa xuất phát từ đặc điểm của tục ngữ (do chức năng đúc kết kinh nghiệm trực tiếp, cảm tính và tính ngắn gọn của thể loại), vừa do thực tế phong phú, phức tạp của cuộc sống. Vì vậy, về hình thức thì những câu tục ngữ này mâu thuẫn với nhau nhưng thực chất, chúng lại bổ sung và góp phần hoàn thiện cho những kinh nghiệm, đánh giá của tác giả dân gian.

c. Kinh nghiệm về nhân tướng học

Một bộ phận tục ngữ người Việt đã thể hiện thái độ và kinh nghiệm đánh giá con người của tác giả dân gian thông qua “nhân tướng”. Theo quan niệm của người xưa, “Hồng nhan bạc phận” là một sự đánh giá, đúc kết rằng những cô gái có nhan sắc sẽ bất hạnh. Nguyễn Du đã có cả một thiên tuyệt bút để minh chứng

cho tư tưởng thiên mệnh này. Trong “Truyện Kiều”, Đạm Tiên, Thúy Kiều có số mệnh xấu là do họ đẹp nên “trời đất ghen”. Sự đúc kết của tác giả dân gian thể hiện mâu thuẫn không thể dung hòa giữa nhan sắc và số phận của người phụ nữ. Thực tế, mâu thuẫn ấy có nguyên nhân một phần từ những tư tưởng hà khắc như “Tam tòng”, “Tứ đức” mà xã hội phụ quyền xưa trói buộc người phụ nữ. Tục ngữ nhại vẫn đề cập đến những người phụ nữ đẹp nhưng không hề bị chi phối bởi tư tưởng thiên mệnh xưa kia. Ngày nay, khi cái đẹp về hình thức lên ngôi thì “hồng nhan” thành... “bạc triệu”. Chắc hẳn sự đúc rút kinh nghiệm này xuất phát từ những hiện tượng tiêu cực như người đẹp và đại gia, mỹ nhân nghìn đô... xuất hiện nhan nhản trên các mặt báo, các trang mạng xã hội. Sự ưa chuộng vẻ đẹp hình thức đã trở thành động lực đòi hỏi của các cô gái xinh đẹp, thậm chí cả những cô gái vốn tự ti về ngoại hình cũng có cơ hội “vịt hoá thiên nga”, một bước thành bà hoàng nếu chấp nhận đầu tư phẫu thuật thẩm mỹ.

Một quan niệm khác về nhân tướng dành cho cả nam và nữ đó là: “Đàn ông rộng miệng thì sang/ Đàn bà rộng miệng tan hoang cửa nhà”. Nhìn vào khuôn miệng, người xưa đã có những phán đoán mang nặng tư tưởng trọng nam khinh nữ: nam rộng miệng thì tài giỏi, còn nữ lại nghèo khổ, phá tán. Tư tưởng “nam tôn, nữ ti” vốn đã khá phổ biến trong tục ngữ: “Ra ngõ gặp đàn bà, ở nhà hơn đi”, “Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà”... Khi quan niệm về giới trở nên bình đẳng và cởi mở hơn thì những định kiến, suy nghĩ lạc hậu

cũng dần được xoá bỏ. Vẫn là câu tục ngữ xem tướng qua khuôn miệng nam - nữ nhưng người hiện đại đã nghĩ khác: “Đàn ông rộng miệng thì sang/ Đàn bà rộng miệng vẫn sang như thường”. Không còn là một sự đối lập đến nghiêm ngặt, thay vào đó là một sự đúc kết mang tính hô ứng, khá dí dỏm và bất ngờ: đàn ông miệng rộng thì sang - đàn bà miệng rộng cũng sang. Câu nhại tục ngữ này cùng với những câu tục ngữ mang tư tưởng tiến bộ như “Ra ngõ gặp gái, mọi cái mọi hay”, “Con hư tại mẹ, tại cha/ Cháu hư thì tại cả bà lẫn ông”... đã góp phần xoá bỏ định kiến về giới, mang đến sự bình đẳng cho phụ nữ mà trước hết là ở tư tưởng, quan niệm trong xã hội.

4. KẾT LUẬN

Nói nhại, nói chệch là một trong những cách thức sử dụng ngôn ngữ của con người. Nó phổ biến trong cuộc sống và trong cả văn học nghệ thuật. Tục ngữ cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Hiện tượng này đã tạo nên những phản ứng trái chiều trong dư luận: người cho rằng nhại sẽ làm mất đi sự trong sáng, vẻ đẹp vốn có của tiếng Việt, người lại cho rằng đây là “một hiện tượng bình thường trong cuộc sống... Một biểu hiện rằng giới trẻ ngày nay vẫn biết đến văn học dân gian, có óc hài hước, sáng tạo và đây cũng là một hiện tượng thú vị, có tính gây cười, giải trí cho người đọc” [7]. Về phần mình, chúng tôi cũng nhận thấy

rằng bên cạnh những câu tục ngữ nhại nhạt nhẽo, “đu trend”... thì cũng có một bộ phận tục ngữ nhại khá lí thú, có ý nghĩa phê phán những hiện tượng tiêu cực mang tính thời sự và đánh giá lại vấn đề mà cha ông đã đúc kết. Vì vậy, ta không nên đánh đồng, cực đoan hoá hiện tượng này. Khi có cái nhìn đúng đắn và tích cực về tục ngữ nhại, chúng ta sẽ nhận diện được chân giá trị của tục ngữ qua các thời đại khác nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lương Bền, (26/7/2016), “Thuật nói nhại”, *Văn nghệ Thái Nguyên*, vannghehainguyen.vn.
2. “Ca dao tục ngữ thời hiện đại (phần 43, 49), <https://vnexpress.net>.
3. Nguyễn Bích Hà (2012), “Giáo trình Văn học dân gian Việt Nam”, NXB Đại học Sư phạm.
4. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (1999), “Từ điển thuật ngữ văn học”, NXB ĐHQGHN.
5. Nguyễn Thị Tú Mai (15/10/2020), “Thủ pháp giễu nhại trong phú Nôm”, nguvan.hnue.edu.vn.
6. Hoàng Phê (chủ biên, 2013, in lần thứ 5), “Từ điển tiếng Việt”, NXB Đà Nẵng.
7. Xuân Phương, “Trào lưu của người trẻ, tại sao lại “cải biên” ca dao, tục ngữ?”, thanhmien.vn.